

Số: 10/2021/QĐST-HNGĐ

Sầm Sơn, ngày 19 tháng 5 năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SẦM SƠN – TỈNH THANH HÓA

Căn cứ khoản 2 Điều 29, khoản 2 Điều 149, Điều 212, Điều 213, Điều 361, Điều 397 Bộ luật tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân gia đình 2014;

Căn cứ luật phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 08/2021/TLST-HNGĐ, ngày 23/4/2021 về việc: “*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con khi ly hôn*”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Anh Trần Văn V – sinh năm 1994;
2. Chị Hoàng Thị T – sinh năm 1996;

Cùng ĐKKHKT: Thôn K, xã Q, thành phố S, tỉnh Thanh Hóa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Văn V và chị Hoàng Thị T, kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, được hai bên gia đình đồng ý tổ chức cưới hỏi, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Quảng Đại, thành phố Sầm Sơn vào ngày 04/9/2019. Sau khi cưới, cuộc sống vợ chồng anh chị không có hạnh phúc, xảy ra nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh chị không hợp tính nhau, vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm, cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vợ chồng anh chị sống ly thân từ tháng 10/2020 cho đến nay. Vì vậy, anh, chị thống nhất thuận tình ly hôn. Xét thấy, tình cảm vợ chồng của anh chị không đáp ứng được nguyên tắc cơ bản của chế độ hôn nhân gia đình quy định tại khoản 3 Điều 2 và Điều 19 về tình nghĩa vợ chồng của luật Hôn nhân gia

đình năm 2014, việc thuận tình ly hôn của anh chị là hoàn toàn tự nguyện. Vì vậy, yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của anh chị là phù hợp với quy định tại Điều 55 luật Hôn nhân gia đình 2014.

[2]. Về con chung: Anh Trần Văn V và chị Hoàng Thị T có 01 con chung là cháu Trần Hoàng Bảo H, sinh ngày 21/5/2020. Ly hôn anh, chị thỏa thuận: Chị T là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu H. Anh V có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung mỗi tháng 1.500.000đ kể từ tháng 8/2021 cho đến khi cháu thành niên và không ai được cản trở việc thăm nom, chăm sóc con chung của anh V. Sự thỏa thuận của anh chị về người nuôi con và cấp dưỡng tiền nuôi con là tự nguyện, không trái pháp luật, nên chấp nhận là đúng với quy định tại Điều 58, 81, 82, 83 luật Hôn nhân và gia đình.

[3]. Về tài sản: Anh, chị thống nhất không yêu cầu giải quyết.

[4]. Về lệ phí: Anh V, chị T thuộc trường hợp phải nộp tiền lệ phí giải quyết việc ly hôn. Anh, chị thỏa thuận anh Trần Văn V nộp tiền lệ phí ly hôn sơ thẩm. Sự thỏa thuận của anh chị phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 37 Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành và biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Anh Trần Văn V và chị Hoàng Thị T thuận tình ly hôn.

- *Về con chung*: Anh chị có 01 con chung là cháu Trần Hoàng Bảo H sinh ngày 21/5/2020. Giao chị T trực tiếp nuôi dưỡng cháu H, anh V có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung 1.500.000đ/tháng kể từ tháng 8/2021 cho đến khi cháu thành niên và có quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

- *Về tài sản, công nợ chung*: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí: Anh Trần Văn V nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền lệ phí yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con khi ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp theo biên lai số: AA/2019/0004289 ngày 23/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự TP. Sầm Sơn. Anh V đã nộp đủ tiền lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

“Trường hợp Bản án, Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhân:

- Các đương sự;
- VKSND TP Sầm Sơn;
- Chi cục THADS TP Sầm Sơn;
- UBND xã Q;
- Lưu HSVA.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Ngô Thị Hà